|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 5248/TTr-UBND | *Bến Tre, ngày 06 tháng 11 năm 2018* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị quyết phân bổ**

**ngân sách địa phương năm 2019**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre |

**1. Sự cần thiết ban hành văn bản:**

Để việc phân bổ nguồn lực ngân sách nhà nước tại địa phương thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, kỷ luật tài chính, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ ngân sách địa phương năm 2019 là cần thiết.

**2. Cơ sở pháp lý ban hành văn bản**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm.

**3. Quá trình chuẩn bị**

Dựa trên kết quả làm việc với Bộ Tài chính về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 trung ương giao cho tỉnh Bến Tre; trên cơ sở đánh giá, phân tích tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2018, Sở Tài chính tham mưu dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ ngân sách địa phương năm 2019. Sau khi dự thảo Nghị quyết được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết và trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét.

**4**. **Nội dung của dự thảo Nghị quyết**:

**Điều 1.** Thông qua phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2019, như sau:

1. Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 3.564.063 triệu đồng (Ba nghìn năm trăm sáu mươi bốn tỷ không trăm sáu mươi ba triệu đồng). Bao gồm:

a) Ngân sách tỉnh: 2.714.693 triệu đồng (Hai nghìn bảy trăm mười bốn tỷ sáu trăm chín mươi ba triệu đồng);

b) Ngân sách huyện: 849.370 triệu đồng (Tám trăm bốn mươi chín tỷ ba trăm bảy mươi triệu đồng).

2. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 5.730.318 triệu đồng (Năm nghìn bảy trăm ba mươi tỷ ba trăm mười tám triệu đồng). Bao gồm:

a) Bổ sung cân đối: 3.677.852 triệu đồng (Ba nghìn sáu trăm bảy mươi bảy tỷ tám trăm năm mươi hai triệu đồng);

b) Bổ sung có mục tiêu: 2.052.466 triệu đồng (Hai nghìn không trăm năm mươi hai tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 9.413.081 triệu đồng (Chín nghìn bốn trăm mười ba tỷ không trăm tám mươi mốt triệu đồng). Trong đó:

a) Chi đầu tư phát triển: 1.903.380 triệu đồng (Một nghìn chín trăm lẻ ba tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng). Bao gồm:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước: 399.680 triệu đồng (Ba trăm chín mươi chín tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng);

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 125.000 triệu đồng (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng);

- Chi đầu tư từ nguồn vốn xổ số: 1.260.000 triệu đồng (Một nghìn hai trăm sáu mươi tỷ đồng).

- Chi đầu tư từ bội chi ngân sách: 118.700 triệu đồng (Một trăm mười tám tỷ bảy trăm triệu đồng)

b) Chi thường xuyên: 5.452.095 triệu đồng (Năm nghìn bốn trăm năm mươi hai tỷ không trăm chín mươi lăm triệu đồng). Bao gồm:

- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 2.560.143 triệu đồng (Hai nghìn năm trăm sáu mươi tỷ một trăm bốn mươi ba triệu đồng);

- Chi khoa học và công nghệ: 20.329 triệu đồng (Hai mươi tỷ ba trăm hai mươi chín triệu đồng);

- Chi các sự nghiệp khác: 2.871.623 triệu đồng (Hai nghìn tám trăm bảy mươi mốt tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu đồng).

c) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương: 1.000 triệu đồng (Một tỷ đồng).

d) Dự phòng ngân sách: 146.420 triệu đồng (Một trăm bốn mươi sáu tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng). Bao gồm:

- Ngân sách tỉnh: 84.457 triệu đồng (Tám mươi bốn tỷ bốn trăm năm mươi bảy triệu đồng);

- Ngân sách huyện: 61.963 triệu đồng (Sáu mươi mốt tỷ chín trăm sáu mươi ba triệu đồng).

đ) Chi trả nợ lãi vay: 7.600 (Bảy tỷ sáu trăm triệu đồng).

e) Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương: 45.850 triệu đồng (Bốn mươi lăm tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng).

g) Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và một số chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: 1.856.736 triệu đồng (Một nghìn tám trăm năm mươi sáu tỷ bảy trăm ba mươi sáu triệu đồng). Bao gồm:

- Chi các chương trình mục tiêu quốc gia: 360.049 triệu đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ không trăm bốn mươi chín triệu đồng);

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: 1.496.687 triệu đồng (Một nghìn bốn trăm chín mươi sáu tỷ sáu trăm tám mươi bảy triệu đồng).

4. Bội chi ngân sách địa phương: 118.700 triệu đồng (Một trăm mười tám tỷ bảy trăm triệu đồng).

**Điều 2**. Số liệu chi tiết về phương án phân bổ dự toán năm 2019 tại các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI và VII kèm theo Nghị quyết này.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơinhận:*** |  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** |
| - Như trên;  - TT HĐND tỉnh;  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - Chánh, Phó VPUBND tỉnh;  - N/c: TH, TCĐT, VHXH,  - Lưu VT. |  |  |